

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề thi gồm có 04 trang)

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh.....  
Số báo danh.....

Mã đề thi 015

(Lưu ý: Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam trong phòng thi)

- Câu 41.** Vùng Đồng bằng sông Hồng nước ta chịu ngập lụt nghiêm trọng nhất chủ yếu do
- A. nước biển dâng. B. lũ nguồn về.  
C. hoạt động của triều cường. D. mưa bão rộng, đe bao bọc.
- Câu 42.** Phương hướng quan trọng để phát huy thế mạnh của nền nông nghiệp nhiệt đới ở nước ta là
- A. thay đổi cơ cấu mùa vụ. B. phân bố phù hợp các cây trồng, vật nuôi.  
C. đẩy mạnh sản xuất nông sản xuất khẩu. D. khai thác tốt hơn tính mùa vụ.
- Câu 43.** Biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ rừng đặc dụng ở nước ta là
- A. đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.  
B. bảo vệ cảnh quan đa dạng sinh vật ở các vườn quốc gia.  
C. có kế hoạch, biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có.  
D. giao đất, giao rừng, trồng rừng trên đất trống đồi núi trọc.
- Câu 44.** Dân số đông, kết cấu dân số trẻ ở Đồng bằng sông Hồng nước ta gây sức ép lớn lên vấn đề
- A. việc làm. B. sử dụng tài nguyên đất.  
C. an sinh xã hội. D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- Câu 45.** Ngành công nghiệp nào sau đây ở nước ta **không** phải là ngành công nghiệp trọng điểm?
- A. Luyện kim màu. B. Dệt - may. C. Năng lượng. D. Cơ khí - điện tử.
- Câu 46.** Đất đai ở dải đồng bằng ven biển miền Trung nước ta thuận lợi nhất cho phát triển
- A. trồng cây công nghiệp lâu năm. B. trồng rừng phòng hộ ven biển.  
C. thâm canh cây lúa nước. D. trồng cây công nghiệp hàng năm.
- Câu 47.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch Huế có các tài nguyên du lịch nào sau đây?
- A. Thắng cảnh, di tích lịch sử cách mạng, làng nghề cổ truyền, lễ hội truyền thống.  
B. Di sản văn hóa thế giới, du lịch biển, di tích lịch sử cách mạng, thắng cảnh.  
C. Làng nghề cổ truyền, thắng cảnh, di tích lịch sử cách mạng, du lịch biển.  
D. Thắng cảnh, di tích lịch sử cách mạng, làng nghề cổ truyền, di sản thiên nhiên thế giới.
- Câu 48.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh/thành nào sau đây **không** có đường biên giới với Lào?
- A. Thừa Thiên Huế. B. Quảng Trị. C. Quảng Nam. D. Đà Nẵng.
- Câu 49.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 16, cho biết nhóm ngôn ngữ nào sau đây **không** thuộc ngữ hệ Nam Á?
- A. Khơ-me, Ba-na, Xơ-đăng. B. Cơ-ho, Bru-Vân Kiều, Tà-Ôi.  
C. Tày, Thái, Nùng. D. Việt, Mường, Thổ.
- Câu 50.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây có GDP bình quân tính theo đầu người thấp nhất?
- A. Bình Định. B. Bà Rịa - Vũng Tàu. C. Ninh Thuận. D. Khánh Hòa.
- Câu 51.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết những tỉnh/thành nào sau đây có giá trị sản xuất thủy sản trên 50%?
- A. Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu, Cà Mau. B. Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa.  
C. Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh. D. Quảng Bình, Quảng Nam, Phú Yên.
- Câu 52.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ 27 đi qua những tỉnh/thành nào sau đây?
- A. Pleiku - Quy Nhơn. B. Đà Lạt - Phan Giang - Tháp Chàm.  
C. Pleiku - Tuy Hòa. D. Buôn Ma Thuột - Nha Trang.

**Câu 53.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây sử dụng nguyên liệu từ khí tự nhiên?

- A. Uông Bí. B. Ninh Bình. C. Phả Lại. D. Phú Mỹ.

**Câu 54.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có ngành công nghiệp điện tử?

- A. Đà Nẵng. B. Nha Trang. C. Quy Nhơn. D. Phan Thiết.

**Câu 55.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết lát cắt địa hình A - B đi qua hai cao nguyên nào sau đây?

- A. Di Linh - Đắk Lắk. B. Lâm Viên - Di Linh.  
C. Đắk Lắk - Mơ Nông. D. Mơ Nông - Lâm Viên.

**Câu 56.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu lượng nước trung bình sông Hồng, sông Đà Rằng, sông Mê Công lớn nhất vào các tháng nào sau đây?

- A. 8, 11, 10. B. 8, 10, 9. C. 9, 11, 12. D. 3, 4, 5.

**Câu 57.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết những mặt hàng nào sau đây thuộc về hàng nhập khẩu của nước ta?

- A. Máy móc, thiết bị, phụ tùng. B. Công nghiệp nặng và khoáng sản.  
C. Công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp. D. Nông - lâm - thủy sản.

**Câu 58.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đất mặn. B. đất cát biển. C. đất phù sa ngọt. D. đất phèn.

**Câu 59.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết khoáng sản bôxít phân bố chủ yếu ở vùng nào sau đây?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
C. Tây Nguyên. D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 60.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Bắc Trung Bộ?

- A. Đà Nẵng. B. Thanh Hóa. C. Đồng Hới. D. Hà Nội.

**Câu 61.** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nước ta là

- A. tạo thế mở cửa hơn nữa cho vùng và cho sự phân công lao động mới.  
B. thúc đẩy sự hình thành các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất.  
C. tạo sự thay đổi lớn trong sự phát triển kinh tế - xã hội.  
D. góp phần hình thành chuỗi các trung tâm công nghiệp ven biển.

**Câu 62.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về hoạt động nội thương của nước ta?

- A. Đông Nam Bộ có hoạt động nội thương sầm uất nhất.  
B. Hình thành thị trường thống nhất trong cả nước.  
C. Tỷ trọng bán lẻ hàng hóa khu vực ngoài nhà nước giảm nhanh.  
D. Hàng hóa buôn bán ngày càng phong phú, đa dạng.

**Câu 63.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ý nghĩa của mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc ở Đồng bằng sông Cửu Long nước ta?

- A. Phát triển giao thông đường bộ. B. Hình thành nền văn hóa sông nước.  
C. Phát triển giao thông đường sông. D. Mang phù sa bồi đắp đồng bằng.

**Câu 64.** Hiện nay, việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta gặp nhiều khó khăn chủ yếu do

- A. rét đậm, rét hại, sương muối, sương giá về mùa đông.  
B. hạn chế trong vận chuyển sản phẩm tới vùng tiêu thụ.  
C. chưa có nhiều đồng cỏ lớn, nhiều cỏ tạp năng suất thấp.  
D. nhu cầu của thị trường về sản phẩm chăn nuôi giảm mạnh.

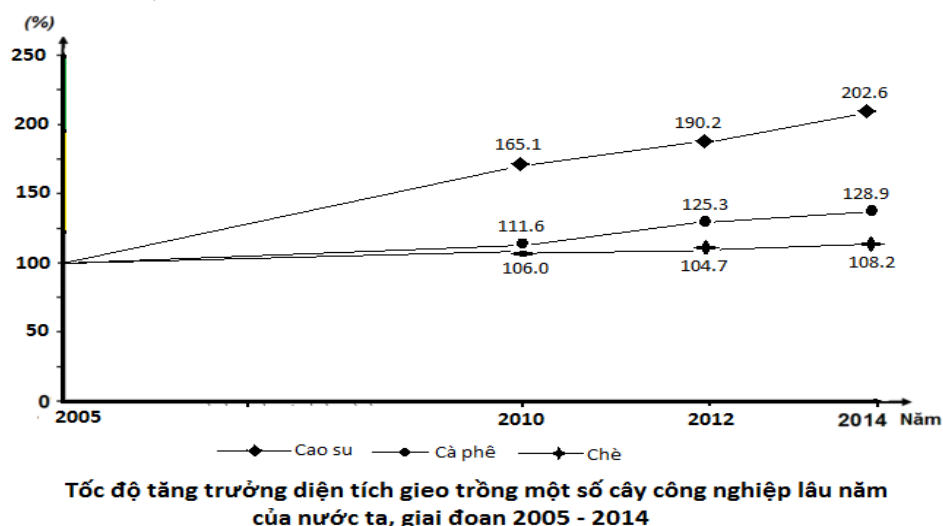
**Câu 65.** Sản xuất nông nghiệp của vùng Đông Nam Bộ nước ta **không** có thể mạnh về

- A. trồng cây công nghiệp lâu năm. B. trồng cây công nghiệp hàng năm.  
C. đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. D. trồng cây lương thực.

**Câu 66.** Cây cà phê vối được trồng chủ yếu ở tỉnh Đắk Lắk của Tây Nguyên vì

- A. có các cơ sở chế biến hiện đại. B. có thị trường tiêu thụ rộng lớn.  
C. có các cao nguyên thấp, khí hậu nóng. D. có các cao nguyên tương đối cao, khí hậu mát.

**Câu 67.** Cho biểu đồ sau:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Theo biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta, giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Cà phê tăng nhanh hơn chè. B. Chè, cà phê, cao su đều tăng.  
C. Chè tăng nhanh và ổn định. D. Cao su tăng nhanh nhất.

**Câu 68.** Hiện nay mạng lưới đường bộ nước ta đã được mở rộng và hiện đại hóa là nhờ

- A. chiến lược phát triển táo bạo. B. huy động các nguồn vốn và tập trung đầu tư.  
C. đón đầu các thành tựu kỹ thuật hiện đại. D. nhanh chóng hiện đại hóa cơ sở vật chất.

**Câu 69.** Vùng đất của lãnh thổ nước ta bao gồm toàn bộ

- A. các đảo lớn nhỏ ven bờ. B. khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ.  
C. đất liền, hải đảo và vùng thềm lục địa. D. đất liền và các hải đảo.

**Câu 70.** Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2016**

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2000	2010	2016
Tổng số	2250,9	5142,7	6728,6
Khai thác	1660,9	2414,4	3124,3
Nuôi trồng	590,0	2728,3	3604,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tình hình sản xuất thủy sản của nước ta giai đoạn 2000 - 2016?

- A. Cơ cấu sản lượng thủy sản thay đổi. B. Tổng sản lượng thủy sản ngày càng tăng.  
C. Sản lượng nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác. D. Tỷ trọng sản lượng nuôi trồng giảm 27,4%.

**Câu 71.** Cho bảng số liệu:

**LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2018**

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	Tổng số	Chia ra		
		Kinh tế nhà nước	Kinh tế ngoài nhà nước	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài
2010	49048,5	5017,4	42304,6	1726,5
2018	54249,4	4523,1	45187,9	4538,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô và cơ cấu lao động đang làm việc phân theo các thành phần kinh tế của nước ta năm 2010 và 2018, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Tròn. C. Miền. D. Đường.

**Câu 72.** Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị nước ta còn cao **không** phải do

- A. thị trường lao động phát triển sâu rộng. B. lao động không nghề có tỷ trọng lớn.  
C. nhiều ngành nghề đào tạo không phù hợp. D. số dân khu vực thành thị đông hơn nông thôn.

**Câu 73.** Ở nước ta, việc mở rộng sự tham gia của các thành phần kinh tế có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Tạo sự phân hóa sản xuất giữa các vùng trong nước.  
B. Phát huy mọi tiềm năng cho việc phát triển sản xuất.  
C. Hạn chế thành phần có vốn đầu tư nước ngoài.  
D. Giảm bớt sự phụ thuộc của nền kinh tế nhà nước.

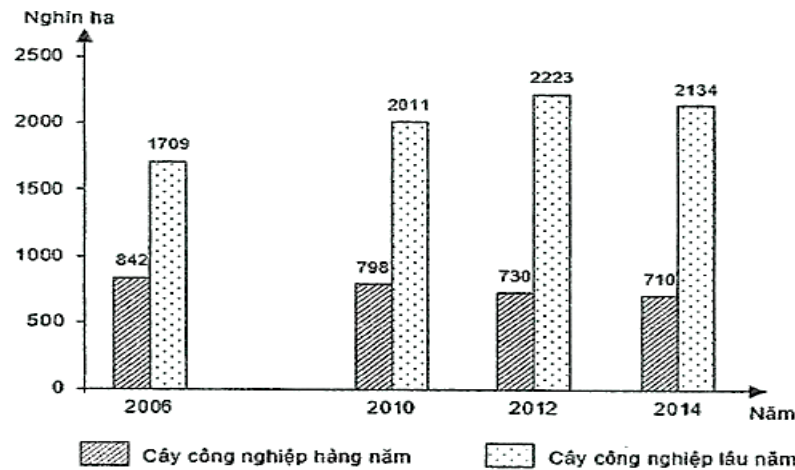
**Câu 74.** Sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu do

- A. ngư dân có truyền thống, kinh nghiệm. B. mở rộng, tìm kiếm thị trường tiêu thụ.  
C. đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến. D. tăng số lượng, công suất của tàu thuyền đánh bắt.

**Câu 75.** Dân số nước ta có xu hướng già hóa nhanh **không** phải do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Tỷ suất sinh và tỷ suất tử giảm mạnh.  
B. Tuổi thọ trung bình ngày càng cao.  
C. Số người ngoài độ tuổi lao động ngày càng lớn.  
D. Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe được nâng cao.

**Câu 76.** Cho biểu đồ về diện tích cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm ở nước ta giai đoạn 2006 - 2014



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Cơ cấu diện tích cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm.

B. Tốc độ tăng trưởng diện tích cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm.

C. Quy mô diện tích cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm.

D. Giá trị sản xuất cây công nghiệp hàng năm và cây công nghiệp lâu năm.

**Câu 77.** Quá trình đô thị hóa của nước ta diễn ra chậm nguyên nhân chủ yếu do

- A. công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển. B. quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm.  
C. điểm xuất phát nền kinh tế thấp. D. nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo.

**Câu 78.** Khu vực Cực Nam Trung Bộ nước ta có lượng mưa thấp nhất cả nước do tác động chủ yếu của các nhân tố nào sau đây?

- A. Đặc điểm địa hình, bờ biển, hoạt động gió tây, hiện tượng nước trời.  
B. Hoạt động gió tây, tín phong bán cầu Bắc, các dãy núi lan ra sát biển.  
C. Vị trí gần chí tuyến, hoạt động gió mùa đông bắc, ít ảnh hưởng của bão.  
D. Địa hình thấp dạng lòng chảo, diện tích rừng ít, hoạt động gió tây nam.

**Câu 79.** Đại nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc hạ thấp hơn ở miền Nam nước ta chủ yếu là do

- A. vị trí gần chí tuyến, chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.  
B. hoạt động của gió mùa Đông Bắc, dòng biển lạnh chảy ven bờ.  
C. vị trí gần xích đạo, luôn nhận được lượng nhiệt mặt trời lớn.  
D. địa hình đồi núi cao, giáp biển, bão hoạt động mạnh.

**Câu 80.** So với diện tích cả nước, địa hình đồi núi thấp chiếm khoảng 60% diện tích lãnh thổ do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.  
B. Quá trình kiến tạo lâu dài, chịu tác động của ngoại lực.  
C. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.  
D. Địa hình được vận động tân kiến tạo làm trẻ lại.

----- HẾT -----